

## NĂNG SUẤT SINH SẢN CỦA GÀ MỤ HLA ALÊ NUÔI TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

*Trần Quang Hạnh<sup>1</sup>, Ngô Thị Kim Chi<sup>1</sup>, Nguyễn Đức Điện<sup>1</sup>,  
Bùi Thị Như Linh<sup>1</sup>, Mai Thị Xoan<sup>1</sup>, Trương Tấn Khanh<sup>2</sup> và Phạm Thế Huệ<sup>2</sup>*

<sup>1</sup>Trường Đại học Tây Nguyên; <sup>2</sup>Liên hiệp các Hội Khoa học tỉnh Đắk Lắk

Tác giả liên hệ: Phạm Thế Huệ, Tel: 0983637005, Email: huephamthe58608587@gmail.com

### TÓM TẮT

Gà Mụ Hla Alê là giống gà bản địa được nuôi lâu đời trong khu vực đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Giống được phát hiện và nghiên cứu bởi nhóm nghiên cứu của Đại học Tây Nguyên từ năm 2022, trong khuôn khổ Đề án giữ quỹ gen vật nuôi, cây trồng tỉnh Đắk Lắk. Mục tiêu của đề tài là xác định các đặc điểm sinh học và các chỉ tiêu sản xuất nhằm tư liệu hóa phẩm giống và đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát triển nguồn gen quý hiếm này. Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá khả năng sinh sản của gà Mụ Hla Alê. 400 Mụ Hla Alê từ 0 đến 20 tuần tuổi được chia làm 4 lô để đánh giá tỷ lệ nuôi sống. Đến giai đoạn theo dõi sinh sản được bố trí theo dõi trên 50 gà mái (lặp lại 3 lần), thời gian nuôi từ 21 đến 73 tuần tuổi. Gà được nuôi theo quy trình gà sinh sản thả vườn, không cho ấp và nuôi con. Thức ăn sử dụng trong thí nghiệm là thức ăn hỗn hợp gà đẻ của công ty TOGET, Có hàm lượng protein thô 17,5%. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ nuôi sống đến 20 tuần tuổi đạt 92,50%, tỷ lệ đẻ trung bình suốt thời gian nuôi là 25,54%, năng suất trứng đến 73 tuần tuổi đạt 93,04 quả/mái/năm, tiêu tốn thức ăn 4,42 kg/10 quả, khối lượng trứng trung bình 48,43g, chỉ số hình dạng 1,27, chỉ số Haugh 82,14; tỷ lệ trứng có phôi 94,43%; tỷ lệ ấp nở 78,68%. Gà Mụ Hla Alê có năng suất sinh sản khá cao so với một số giống gà bản địa khác.

**Từ khóa:** *Mụ Hla Alê, năng suất sinh sản, gà bản địa.*

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Đắk Lắk là một trong 5 tỉnh của khu vực Tây Nguyên, được đánh giá là địa phương có tiềm năng đa dạng sinh học cao, trong đó có đa dạng về giống vật nuôi và cây trồng. Gà Mụ Hla Alê là giống gà bản địa được nuôi trong khu vực đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đắk Lắk, được nhóm các nhà nghiên cứu tại trường Đại học Tây Nguyên phát hiện và nghiên cứu trong khuôn khổ đề án giữ quỹ gen vật nuôi do tỉnh Đắk Lắk tài trợ từ năm 2022. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất, tư liệu hóa phẩm giống và đề xuất các biện pháp bảo tồn và phát triển phẩm giống trong sản xuất. Các công bố trước đây về đặc điểm sinh học và sinh trưởng của phẩm giống cho thấy gà có khả năng thích nghi cao với đặc điểm tự nhiên và điều kiện chăn nuôi truyền thống quảng canh trong khu vực đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đắk Lắk. Bùi Thị Như Linh và Thái Thị Bích Vân (2023) cho thấy gà Mụ Hla Alê có tầm vóc nhỏ, có mình thanh tú thon nhẹ, đầu nhỏ, chân nhỏ. Gà trưởng thành cả con trống và con mái đều có chòm lông trên đầu, gà trống trưởng thành phần lớn có màu lông đen đỏ (trống tía), quanh cổ phát triển lông cườm vàng óng, mào đơn phát triển và đuôi dài. Gà mái phần lớn có lông màu xám tro pha tia đen, tia đen rõ nhất ở lông vùng quanh cổ, ngoài ra còn có màu lông khác như đen, trắng, hoa mơ, vàng sẫm. Gà mới nở thường có màu vàng nhạt, nâu nhạt và một số con sọc lông màu đen, chòm lông trên đầu mọc lúc gà mới nở (Hình 1). Giống gà này được người Ê đê thuần hóa, nuôi dưỡng trong buôn làng và được đặt tên là gà Mụ Hla Alê. Gà Mụ Hla Alê là một giống gà mang nguồn gen quý hiếm, thích nghi với điều kiện chăn nuôi của đồng bào thiểu số tại Đắk Lắk, gà có khả năng tìm kiếm thức ăn trong tự nhiên rất cao. Gà Mụ Hla Alê thường được nuôi với quy mô nhỏ, số lượng ít, chăn nuôi mang tính tự cung tự cấp, phục vụ cho nhu cầu thực phẩm hàng ngày cũng như dịp lễ hội của người dân bản địa. Gà Mụ Hla Alê có phẩm chất thịt thơm, ngon được người tiêu

dùng ưa chuộng. Tuy nhiên chưa có nhiều số liệu khoa học công bố về khả năng sinh sản của gà Mụ Hla Alê. Nghiên cứu này nhằm đánh giá khả năng sinh sản của gà Mụ Hla Alê góp phần đặc điểm hóa giống gà, cung cấp thông tin làm cơ sở cho việc chọn lọc, khai thác nguồn gen quý của giống gà.

## VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Vật liệu nghiên cứu

Giống gà bản địa Mụ Hla Alê của đồng bào dân tộc tại tỉnh Đắk Lắk.

### Thời gian và địa điểm

Thí nghiệm được tiến hành từ tháng 8/2022 đến 12/2023 tại trại gà ở cơ sở chăn nuôi của HTX Thương mại Dịch vụ Nông nghiệp và Hỗ trợ cộng đồng Tây Nguyên, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

### Phương pháp nghiên cứu

Thí nghiệm được bố trí thành hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: nuôi gà con và gà hậu bị (từ 1 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi)

Chọn 400 gà con 1 ngày tuổi nuôi theo quy trình chăn nuôi gà thả vườn do Trung tâm khuyến nông Quốc gia ban hành năm 2016 để theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng của gà hậu bị.

Giai đoạn 2: Nuôi gà sinh sản (từ 21 đến 73 tuần tuổi)

Tuyển chọn 150 gà mái và 21 gà trống từ giai đoạn 1 để theo dõi các chỉ tiêu sinh sản. Gà mái được chia thành 3 lô lặp lại (mỗi lô 50 mái, 7 trống).

Chế độ nuôi dưỡng (Bảng 1)

Bảng 1. Chế độ nuôi dưỡng gà thí nghiệm của các giai đoạn

Giai đoạn nuôi	Loại thức ăn	Giá trị dinh dưỡng (TTKNQG, nuôi gà thả vườn)	Mức ăn hàng ngày	Phương thức nuôi
Gà con 1- 4 tuần tuổi	Thức ăn hỗn hợp cho gà con	ME: 3000 kcal/kg Protein tổng số: 20%	Ăn tự do	Nuôi nhốt lồng úm
Gà hậu bị 5 - 20 tuần tuổi	Thức ăn hỗn hợp cho gà giò	ME: 2.750 kcal/kg Protein tổng số: 18%	Cho ăn hạn chế	Nuôi thả vườn kết hợp cung cấp thức ăn hỗn hợp
Gà sinh sản	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ trứng	ME: 2750 kcal/kg Protein tổng số: 16%	Cho ăn theo tuổi và tỷ lệ đẻ	Nuôi thả vườn kết hợp cung cấp thức ăn hỗn hợp

*Các chỉ tiêu theo dõi:*

Các chỉ tiêu theo dõi gồm về năng suất sinh sản trong TN được thực hiện phương pháp nghiên cứu của Bùi Hữu Đoàn và cs. (2011), bao gồm tuổi thành thực sinh dục, tuổi đẻ đạt tỷ lệ 5% và tuổi đẻ đạt đỉnh cao, sản lượng trứng từ 22 - 73 tuần tuổi, tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng (TTTA), tỷ lệ trứng có phôi (%), tỷ lệ ấp nở.

Chất lượng trứng: được đánh giá trên 30 quả trứng tại phòng thí nghiệm bộ môn Chăn nuôi, Khoa Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Tây Nguyên với các chỉ tiêu: Khối lượng (KL) trứng, tỷ lệ lòng đỏ, tỷ lệ lòng trắng, tỷ lệ vỏ, Chỉ số hình dạng, Chỉ số Haugh.

**Xử lý số liệu**

Số liệu được xử lý thống kê bằng chương trình Microsoft Excel 2007. Số liệu thống kê được xử lý bằng chương trình Minitab 16.

**KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**Đặc điểm ngoại hình của gà Mụ Hla Alê**



Hình 1. Gà Mụ Hla Alê một ngày tuổi

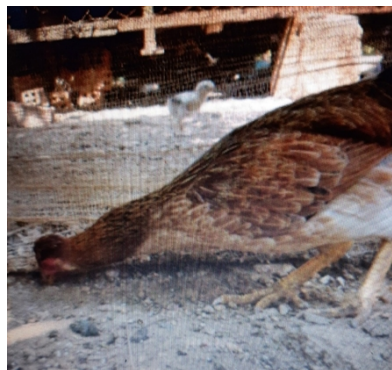
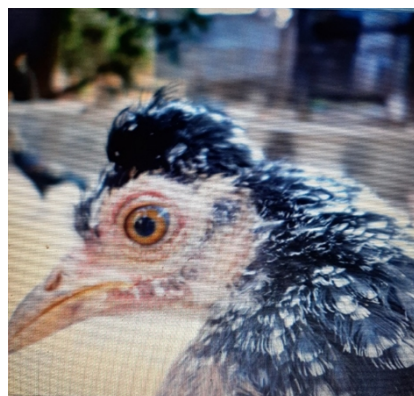
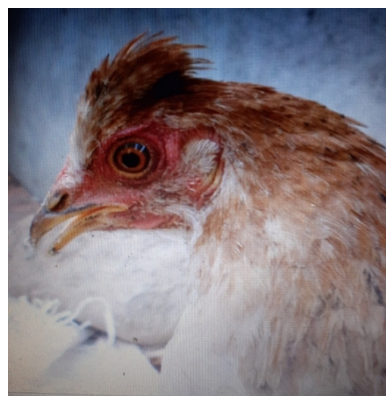
Kết quả theo dõi trên gà mới nở cho thấy 80% gà con mới nở có lông màu vàng pha đen, 20% có lông màu vàng nhạt, không có gà con màu trắng, chòm lông trên đầu mọc rất sớm, chòm lông đầu quan sát thấy khi gà 1 ngày tuổi. Màu sắc lông của gà mới nở có màu tương tự gà Bang Trời (Nguyễn Hoàng Thịnh và cs., 2020). Đến 20 tuần tuổi con trống có màu lông toàn thân màu vàng pha đen 60%, vàng sẫm 28%, lông trắng đen 12%, 85% gà có chòm lông đầu nổi rõ, 15% chòm lông đầu không rõ. Gà mái có màu lông vàng sẫm 20%, xám tro pha tia đen 48%, hoa mơ 20%, trắng đen 12%, ở gà mái chòm lông mọc trên đầu rất rõ (Hình 2).

Mào: Gà trống có mào đơn 84% và 16% mào nụ, gà mái có 88% gà có mào đơn và 12% mào nụ

Chân: Chân gà Gà Mụ Hla Alê nhỏ và ngắn, chân màu vàng là chủ yếu ở gà trống 88% chân màu vàng, 12% chân màu xám chì, tương ứng ở gà mái 92% có chân màu vàng, 8% gà có chân màu xám chì.

Bảng 2. Một số đặc điểm ngoại hình gà Mụ Hla Alê

Bộ phận	Đặc điểm	Trông		Mái	
		<i>n</i>	Tỷ lệ (%)	<i>n</i>	Tỷ lệ (%)
Đầu	Chòm lông đầu rõ	20	80	21	84
	Chòm lông đầu không rõ	5	20	4	16
Mào	Mào đơn	21	84	22	88
	Mào nụ	4	16	3	12
Lông cổ	Vàng óng	18	72	-	-
	Vàng sẫm	7	28	5	20
	Xám pha tia đen	-	-	20	80
Lông thân	Vàng pha đen	15	60	-	-
	Vàng sẫm	7	28	5	20
	Xám tro pha tia đen	-	-	12	48
	Hoa mơ	-	-	5	20
	Trắng đen	3	12	3	12
Lông đuôi	Dài	25	100	-	-
	Ngắn	-	-	25	100
Màu da thân	Vàng	25	100	25	100
Màu da chân	Vàng	22	88	23	92
	Chì	3	12	2	8



Hình 2. Gà Mụ Hla Alê trưởng thành

Kết quả cho thấy gà Mụ Hla Alê có sự khác biệt về màu lông so với các giống gà Ri, gà Tiên Yên, gà Liên Minh (Nguyễn Huy Tuấn, 2013; Bùi Hữu Đoàn và cs., 2016; Nguyễn Đình Tiến và cs., 2020; Nguyễn Hoàng Thịnh và cs., 2020). Điều này cho thấy gà Mụ Hla Alê là giống gà rất đặc trưng của người Ê Đê, tỉnh Đắk Lắk.

### Khả năng sinh sản của gà Mụ Hla Alê

#### Tỷ lệ nuôi sống

Bảng 2. Tỷ lệ nuôi sống của gà Mụ Hla Alê (1 - 20 tuần tuổi)

Tuần tuổi (tuần)	Số gà đầu tuần (con)	Số gà cuối tuần (con)	Tỷ lệ nuôi sống từng tuần (%)	Tỷ lệ nuôi sống cả kỳ (%)
1	400	389	97,25	97,25
2	389	389	100	97,25
3	389	389	100	97,25
4	389	389	100	97,25
5	389	383	95,75	95,75
6	383	383	100	95,75
7	383	383	100	95,75
8	383	383	100	95,75
9	383	383	100	95,75
10	383	373	93,25	93,25
11	373	373	100	93,25
12	373	373	100	93,25
13	373	373	100	93,25
14	373	373	100	93,25
15	373	373	100	93,25
16	373	370	92,50	92,50
17	370	370	100	92,50
18	370	370	100	92,50
19	370	370	100	92,50
20	370	370	100	92,50
Tỷ lệ sống từ 01 ngày tuổi - 20 tuần tuổi				92,50

Tỷ lệ nuôi sống của gà Mụ Hla Alê nuôi giai đoạn hậu bị từ 01 ngày tuổi đến 21 tuần tuổi được trình bày trong Bảng 2 cho thấy đến 9 tuần tuổi gà có tỷ lệ nuôi sống đạt 95,75%, đến 20 tuần tuổi đạt 92,50%. Nghiên cứu của Ngô Thị Kim Cúc và cs. (2013) cho thấy tỷ lệ nuôi sống gà Mía từ mới nở đến 8 tuần tuổi là 88,7 - 89,98%, từ 9 - 20 tuần tuổi 86,2%. Lê Thị Thu Hiền và cs. (2015) nghiên cứu trên gà Đông Tảo cho thấy giai đoạn 0 - 8 tuần tuổi tỷ lệ nuôi sống là 92,5 - 93,8%. Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2016) cho biết tỷ lệ nuôi sống của gà nhiều ngón giai đoạn 0 - 8 và 9 - 16 tuần tuổi tương ứng là 90 và 88,3%. Nghiên cứu của

Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2021) cho thấy gà Lạc Thủy có tỷ lệ nuôi sống từ 0 - 8 tuần tuổi và 9 - 18 tuần tuổi đạt tương ứng 94,51% và 90,98%. Dương Thu Hương và cs. (2023) cho thấy tỷ lệ nuôi sống gà Vạn Linh từ 1 - 18 tuần tuổi là 95,83%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ nuôi sống đến 21 tuần tuổi của gà Mụ Hla Alê đạt 92,50% là khá cao, tương đương với gà Đông Tảo, cao hơn so với gà Mía và gà Lạc Thủy, nhưng thấp hơn so với gà Vạn Linh.

**Tuổi thành thực sinh dục và khối lượng gà mái**

Diễn biến tuổi thành thực sinh dục và khối lượng gà mái Mụ Hla Alê được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Tỷ lệ đẻ và khối lượng gà Mụ Hla Alê (n=50)

Thời điểm	Tuổi đẻ (tuần)	Khối lượng gà mái (g)
	Mean ± SE	Mean ± SE
Tuổi đẻ quả trứng đầu	21,76 ± 0,12	1091,20 ± 2,83
Tuổi đẻ đạt 5%	23,54 ± 0,13	1159,20 ± 8,40
Tuổi đẻ đạt đỉnh cao	34,72 ± 0,17	1436,00 ± 6,84

Gà Mụ Hla Alê đẻ quả trứng đầu ở 21,76 tuần tuổi (152 ngày tuổi), tương ứng khối lượng 1,09 kg; Gà đẻ đạt tỷ lệ 5% ở 23,54 tuần tuổi, tương ứng khối lượng 1,16 kg; gà đẻ đạt đỉnh cao ở tuần 34,72 tương ứng khối lượng 1,44 kg. Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2020) cho biết gà Bang Trới đẻ trứng đầu tiên, đẻ đạt tỷ lệ 5% và tỷ lệ đẻ đạt đỉnh tương ứng 21,23; 22,35 và 33,52 tuần tuổi. Bùi Hữu Đoàn và cs. (2016) cho biết gà Liên Minh có tuổi thành thực 197,5 ngày. Ngô Thị Kim Cúc (2016) cho thấy tuổi thành thực sinh dục của gà Móng là 150 ngày. Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2021) cho thấy gà Lạc Thủy có tỷ lệ đẻ đạt 5% lúc 19,57 tuần (137 ngày), đẻ đạt đỉnh cao lúc 196 ngày (26,43 tuần). Saykham Souksanith và Đặng Vũ Bình (2018) cho kết quả gà Hon Chu (Lào) có tuổi đẻ quả trứng đầu lúc 7,27 tháng, tương ứng 218 ngày. Dương Thị Phương Lan và cs. (2022) cho thấy gà Hắc Phong có tuổi thành thực sinh dục 21,79 tuần. Gà Mụ Hla Alê có tuổi thành thực sinh dục tương đương với gà Bang Trới, gà Hắc Phong sớm hơn so với gà Liên Minh, gà Hon Chu, nhưng muộn hơn hơn gà Móng và gà Lạc Thủy.

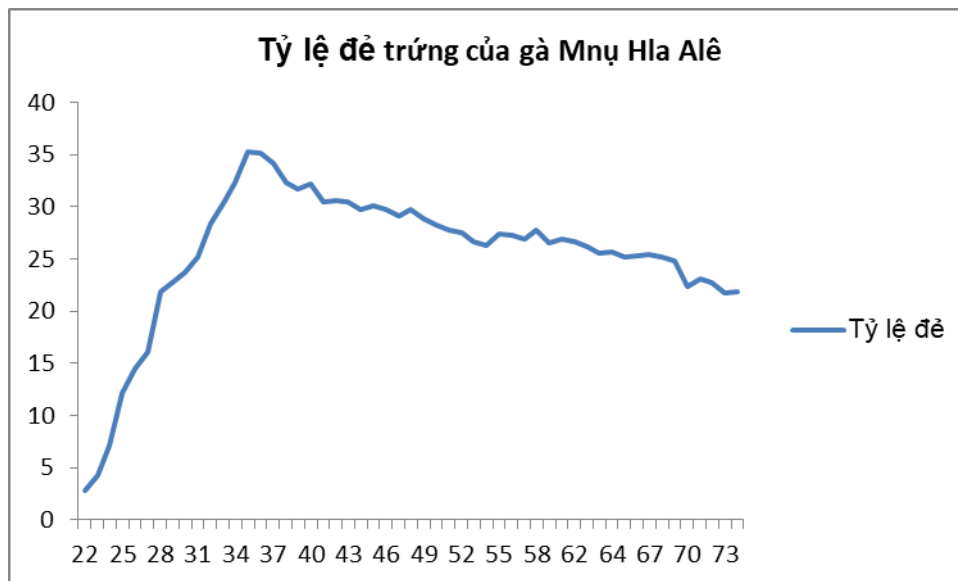
**Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng**

Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng của gà Mụ Hla Alê được trình bày trong Bảng 4, Hình 2 cho thấy năng suất trứng của gà đến 73 tuần tuổi (52 tuần đẻ trứng) là 93,04 quả/mái, tỷ lệ đẻ trung bình là 25,54%, chi phí thức ăn/10 quả trứng là 4,42 kg. Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2020) cho thấy tỷ lệ đẻ của gà Bang Trới 74 tuần tuổi 26,38%, năng suất trứng đạt 97,87quả/mái, tiêu tốn thức ăn 4,59 kg/10 quả trứng. Nguyễn Bá Mùi và Phạm Kim Đăng (2016) cho thấy tỷ lệ đẻ của gà Ri lúc 38 tuần tuổi là 39,94%. Nguyễn Thị Châu Giang và cs. (2017) cho thấy gà sáu ngón lúc 39 tuần tuổi có tỷ lệ đẻ 38,24%. Trần Thanh Vân và cs. (2015) cho kết quả gà Lạc Thủy lúc 40 tuần tuổi có tỷ lệ đẻ 33,58%. Gà Mụ Hla Alê có tỷ lệ đẻ cao nhất giai đoạn 34 - 37 tuần tuổi đạt 34,22%, kết quả này thấp hơn so với gà Ri (39,94%), gà nhiều ngón (39,94%). Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2021) cho thấy gà Lạc Thủy giai đoạn đẻ từ 19 - 41 tuần tuổi có sản lượng trứng 57,57 quả tiêu tốn tức ăn/10 quả trứng là 4,49 kg. Lê Thanh

Phuong và Phạm Tấn Nhã (2023) cho biết gà Ác giai đoạn 22 - 29 tuần tuổi có tỷ lệ đẻ 65,97%, tiêu tốn thức ăn/ trứng là 167,3 g/quả. Tỷ lệ đẻ trứng, năng suất trứng, và tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng của gà Mụ Hla Alê tương đương với gà Bang Trời (Nguyễn Hoàng Thịnh và cs., 2020).

Bảng 4. Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng gà Mụ Hla Alê

Tuần tuổi (tuần)	Tỷ lệ đẻ (%)	Năng suất trứng/mái (quả)	Tiêu tốn thức ăn/10 trứng (kg)
22 - 25	6,61	1,85	13,24
26 - 29	18,79	5,26	4,79
30 - 33	26,89	7,53	3,35
34 - 37	34,22	9,58	2,63
38 - 41	31,68	8,87	2,84
42 - 45	30,21	8,46	2,98
46 - 49	29,11	8,15	3,20
50 - 53	27,57	7,72	3,45
54 - 57	27,22	7,62	3,68
58 - 61	26,46	7,48	3,75
62 - 65	25,64	7,18	4,29
66 - 69	25,18	7,05	4,39
70 - 73	22,46	6,29	4,86
Năng suất trứng đến 73 tuần	25,54	93,04	4,42



Hình 2. Tỷ lệ đẻ trứng của gà Mụ Hla Alê từ 22 - 73 tuần tuổi

Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng của gà Mụ Hla Alê trung bình 4,42 kg tương đương 0,442 kg cho 1 quả trứng, kết quả này thấp hơn so với kết quả của Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2021) ở gà Bang Trới giai đoạn 22 - 74 tuần tuổi tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng 4,59 kg/10 quả trứng. Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng của gà Mụ Hla Alê cao hơn so với gà Hắc Phong thể hệ xuất phát 2,49 kg/10 quả trứng (Nguyễn Thủy Tiên và cs., 2023). Kết quả nghiên cứu tiêu tốn thức ăn cho 10 quả trứng của gà Mụ Hla Alê giai đoạn 22 - 41 tuần tuổi là 5,37 kg cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2021) ở gà Lạc Thủy giai đoạn 19 - 41 tuần tuổi tiêu tốn 4,49 kg thức ăn/10 quả trứng. Kết quả nghiên cứu thấp hơn của Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2021) trên gà Ri Lạc Sơn giai đoạn 22 - 29 tuần tuổi là 10,94 - 1,92 kg thức ăn/10 quả trứng.

Gà Mụ Hla Alê có năng suất trứng tương đương với gà Bang Trới, thấp hơn so với gà Lạc Thủy. Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng của gà Mụ Hla Alê tương đương với gà Lạc Thủy, gà Bang Trới nhưng cao hơn gà Ác (2,73 kg, Nguyễn Thanh Phương và Nguyễn Tấn Nhã, 2023)

### **Khối lượng và chất lượng trứng**

Kết quả về khối lượng trứng và chất lượng trứng của gà Mụ Hla Alê được trình bày trong Bảng 5 cho thấy, trứng gà Bản địa có khối lượng 44,57 g; tỷ lệ lòng đỏ 34,58%; lòng trắng 54,38%, tỷ lệ vỏ là 11,03%, đơn vị Haugh là 82,14. Chỉ số hình dạng trứng đạt 1,27. Nguyễn Bá Mùi và Phạm Kim Đăng (2016) nghiên cứu trên gà Ri cho thấy gà Ri có khối lượng trứng 50,27 g, tỷ lệ lòng đỏ 32,19% và chỉ số hình dạng 1,32. Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2020) cho thấy gà Bang Trới có khối lượng trứng 48,43g, tỷ lệ lòng đỏ 32,04%, tỷ lệ lòng trắng 56,52%, tỷ lệ vỏ 11,44%, đơn vị Haugh 86,87, chỉ số hình dạng 1,34. Nguyễn Thủy Tiên và cs. (2023) cho kết quả gà Hắc Phong thể hệ xuất phát có khối lượng trứng 42,50g, tỷ lệ phôi/trứng ấp 94,7%, tỷ lệ ấp nở 84,40%. Saykham Souksanith và Đặng Vũ Bình (2018) cho kết quả khối lượng trứng gà Hon Chu (Lào) 44,28 g, đơn vị Haugh 82,17. Như vậy gà Mụ Hla Alê có khối lượng trứng nhỏ hơn gà Ri và gà Bang Trới, nhưng lớn hơn gà Hắc Phong, tương đương với gà Hon Chu (Lào). Tỷ lệ lòng đỏ, tỷ lệ lòng trắng, tỷ lệ vỏ trứng tương đương với gà Ri, gà Hon Chu và gà Bang Trới. Chỉ số Haugh ở gà Mụ Hla Alê thấp hơn so với gà Ri và gà Bang Trới, tương đương với gà Hon Chu.

Bảng 5. Khối lượng trứng và chất lượng trứng của gà Mụ Hla Alê (n=30)

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Mean ± SE</b>	<b>Cv%</b>
Khối lượng trứng	g	44,57 ± 0,94	26,27
Chỉ số hình thái		1,27 ± 0,04	0,39
Tỷ lệ lòng đỏ	%	34,58 ± 0,58	10,20
Tỷ lệ lòng trắng	%	54,38 ± 0,58	10,10
Tỷ lệ vỏ	%	11,03 ± 0,17	0,86
Đơn vị Haugh		82,14 ± 0,68	13,09

### **Kết quả theo dõi về ấp nở của gà Mụ Hla Alê**

Kết quả theo dõi về ấp nở của gà Mụ Hla Alê (Bảng 6) cho thấy, Tỷ lệ trứng có phôi của gà Mụ Hla Alê là 94,43%, Tỷ lệ nở/trứng có phôi 83,32%; tỷ lệ nở/tổng số trứng vào ấp 78,68%. Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2020) cho biết tỷ lệ trứng có phôi ở gà Bang Trới



94,83%, tỷ lệ ấp nở trên trứng đem ấp đạt 76,43%. Kết quả nghiên cứu của Bùi Hữu Đoàn (2003) cho thấy gà Mán trứng có phôi đạt tỷ lệ 95,35%, tỷ lệ nở 85,66%. Hồ Xuân Tùng (2009) cho kết quả gà Hồ, gà Mía và gà Móng có tỷ lệ nở/tổng số trứng ấp lần lượt là 55,54 - 75,23%; 69,95 - 71,25% và 65,89 - 72,26%. Nguyễn Huy Tuấn (2013) cho biết tỷ lệ ấp nở/tổng trứng vào ấp của gà Ri vàng rom và Ri lai là 77% - 77,95%. Theo Nguyen Van Duy và cs. (2015), gà Hồ có tỷ lệ trứng có phôi là 72,81%. Nguyễn Thủy Tiên và cs. (2023) cho kết quả gà Hắc Phong thể hệ xuất phát có tỷ lệ ấp nở 84,40%. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ ấp nở của gà Mụ Hla Alê thấp hơn so với gà Mán, gà Hắc Phong, nhưng cao hơn các giống gà Mía, Móng và gà Hồ, tương đương với gà Bang Trời.

Bảng 6. Kết quả ấp nở của gà Mụ Hla Alê

Lần ấp	Trứng đem ấp (quả)	Số trứng có phôi (quả)	Tỷ lệ trứng có phôi (%)	Số trứng ấp nở (quả)	Tỷ lệ ấp nở/trứng có phôi	Tỷ lệ ấp nở/trứng đem ấp
1	160	152	95,00	129	84,87	80,63
2	160	151	94,38	126	83,44	78,75
3	240	232	96,67	205	88,36	85,42
4	170	158	92,94	126	79,75	74,12
5	170	158	92,94	124	78,48	72,94
6	160	150	93,75	124	82,67	77,50
<b>Tổng cộng</b>	<b>1060</b>	<b>1001</b>	<b>94,43</b>	<b>834</b>	<b>83,32</b>	<b>78,68</b>

## KẾT LUẬN

Gà Mụ Hla Alê lúc lúc 1 ngày tuổi chủ yếu có hai màu lông 80% gà có màu lông vàng pha đen, 20% gà có màu lông vàng nhạt, Ở 20 tuần tuổi con trống có màu lông toàn thân màu vàng pha đen 60%, vàng sẫm 28%, lông trắng đen 12%; 85% gà có chòm lông đầu nổi rõ, 15% có chòm lông đầu không rõ. Gà mái có màu lông vàng xẫm 20%, xám tro pha tia đen 48%, hoa mơ 20%, trắng đen 12%, gà mái chòm lông mọc trên đầu rất rõ, gà có mào đơn là chính, da vàng, chân vàng, chân thấp và nhỏ.

Gà Mụ Hla Alê nuôi theo phương thức bán chăn thả, cho ăn bằng thức ăn công nghiệp, gà có tỷ lệ nuôi sống cao lúc 20 tuần tuổi 92,5%, tuổi đẻ quả trứng đầu tiên lúc 21,76 tuần tuổi, gà đẻ đạt đỉnh cao ở tuần tuổi 34 - 37. Năng suất trứng của gà đến 73 tuần tuổi là 93,04 quả trứng, tỷ lệ đẻ trung bình đạt 25,54%, tiêu tốn thức ăn cho 10 quả trứng là 4,42 kg. Trứng gà Mụ Hla Alê có khối lượng trung bình 44,57g, chất lượng trứng tốt, chỉ số Haugh 82,14, tỷ lệ trứng có phôi là 92,94%, tỷ lệ ấp nở/trứng có phôi 78,18%, tỷ lệ ấp nở/tổng số trứng đem ấp 72,94%. Gà Mụ Hla Alê có khả năng sinh sản khá cao, tương đương với một số giống gà bản địa ở Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Định, Trần Trung Thông, Nguyễn Thị Minh Tâm và Phạm Thị Bích Hương. 2013. Bảo tồn và khai thác nguồn gen gà Mía, Chuyên khảo Bảo tồn và khai thác nguồn gen vật nuôi Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. tr. 162-171.

- Ngô Thị Kim Cúc. 2016. Báo cáo tổng kết kết quả khoa học và công nghệ của đề tài: Khai thác, phát triển nguồn gen giống gà Mía và Móng. Bộ Khoa học và Công Nghệ
- Bùi Hữu Đoàn. 2003. Nghiên cứu giống gà Mán nuôi tại tỉnh Cao Bằng. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*. 7: 895-896.
- Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thanh Sơn và Nguyễn Huy Đạt. 2011. Các chỉ tiêu dùng trong nghiên cứu chăn nuôi gia cầm. Nhà xuất bản Nông Nghiệp Hà Nội - 2011
- Bùi Hữu Đoàn, Phạm Kim Đăng, Hoàng Anh Tuấn và Nguyễn Hoàng Thịnh. 2016. Lien Minh chicken breed and livelihood of people on district island Cat Hai of Hai Phong city, Vietnam: Characterization and prospects. *Journal of Animal Husbandry Science and technics*. 209: 26-31.
- Nguyễn Thị Châu Giang, Nguyễn Khánh Toàn và Đỗ Đức Lực. 2017. Đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất gà sáu ngón nuôi tại Lạng Sơn, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ. tr. 130-135.
- Lê Thị Thu Hiền, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Hữu Cường, Nguyễn Quý Khiêm, Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Kim Oanh, Phạm Thùy Linh, Nguyễn Thanh Sơn và Phùng Văn Cảnh. 2015. Chọn lọc nhân thuần giống gà Đông Tảo. *Tạp Chí KHCN Chăn nuôi*. 57: 31-38
- Dương Thu Hương, Nguyễn Thị Châu Giang, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Khánh Toàn, Đặng Thúy Nhung và Nguyễn Hoàng Thịnh. 2023. Đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh trưởng và năng suất thịt của gà Vạn Linh. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, tập 21. Số 5: 560-569.
- Dương Thị Phương Lan, Nguyễn Quyết Thắng, Nguyễn Công Định, Phạm Hải Ninh, Cao Thị Liên, Trịnh Duy Linh, Nguyễn Văn Duy, Văn Thị Chiêu và Nguyễn Hữu Cường. 2022. Xác định mức ăn hạn chế cho gà Hắc Phong sinh sản giai đoạn nuôi hậu bị. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi*. Số 134: 60-70.
- Bùi Thị Như Linh và Thái Thị Bích Vân. 2023. Đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh trưởng và năng suất thịt của gà Mụ Hla Alê nuôi tại Đắk Lắk. *Tạp chí Khoa học Tây Nguyên*. Số 63: 47-53
- Nguyễn Bá Mùi và Phạm Kim Đăng. 2016. Khả năng sản xuất của gà Ri và con lai (Ri-Sasso-Lương Phượng) nuôi tại An Dương, Hải Phòng. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*. 3(7): 392-399.
- Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk. 2021, 2022
- Lê Thanh Phương và Phạm Tấn Nhã. 2023. Năng suất sinh sản của gà Ác mái chân có lông và chân không có lông giai đoạn 22-29 tuần tuổi. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ Tập 59, Số 5B (2023)*: 108-112
- Saykham Souksanith và Đặng Vũ Bình. 2018. Đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của gà Hon Chu *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. 2018. Tập 16. Số 12: 1039 - 1048
- Nguyễn Hoàng Thịnh, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Thanh Lâm, Mai Thị Thanh Nga và Bùi Hữu Đoàn. 2020. Đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà Bang trời. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam* 2020, 18(10): 812-819
- Nguyễn Hoàng Thịnh, Bùi Hữu Đoàn và Nguyễn Thị Châu Giang. 2021. Năng suất sinh sản gà Lạc Thủy nuôi bán thâm canh. *KHKT Chăn nuôi số 262*. 1/2021: 14-17.
- Nguyễn Hoàng Thịnh, Phạm Kim Đăng, Vũ Thị Thúy Hằng, Hoàng Anh Tuấn và Bùi Hữu Đoàn. 2016. Một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà nhiều ngón nuôi tại rừng quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*. 14(1): 9-20.
- Nguyễn Đình Tiến, Nguyễn Công Oánh, Nguyễn Văn Duy và Vũ Đình Tôn. 2020. Đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng và năng suất thịt của gà Tiên Yên. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*: 18(6): 423-433.

Nguyễn Thị Thủy Tiên, Nguyễn Hoàng Thịnh, Bùi Thị Phương và Nguyễn Thị Lan Anh. 2023. Khả năng sản xuất của gà Hắc Phong thể hệ xuất phát. KHKT Chăn nuôi. Số 285,2/2023:14-19.

Nguyễn Huy Tuấn. 2013. Khả năng sản xuất của tổ hợp lai giữa gà Ri vàng rom và gà ri lai (7/8 vàng rom và 1/8 lương phượng) nuôi tại trại thực nghiệm của gia cầm Liên Ninh”. Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Huy Đạt, Trần Văn Phương và Vũ Chí Thiện. 2009. Bảo tồn nguồn gen gà nội (gà Hồ, Mía và gà Móng). Báo cáo kết quả bảo tồn nguồn gene vật nuôi Việt Nam (2005-2009). Viện Chăn nuôi. tr. 82-95.

Trần Thanh Vân, Đỗ Thị Kim Dung, Vũ Ngọc Sơn và Nguyễn Thị Thúy My. 2015. Nghiên cứu một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà địa phương Lạc Thủy - Hòa Bình. Hội nghị Khoa học Chăn nuôi - Thú y toàn quốc. Trường Đại học Cần Thơ.

#### **Tiếng nước ngoài**

Nguyen Van Duy, Nassim Moula, Do Duc Luc, Pham Kim Dang, Dao Thi Hiep, Bui Huu Doan, Vu Dinh Ton and Frederic Farnir. 2015. Ho Chicken in Bac Ninh Province (Vietnam): From an Indigenous Chicken to Local Poultry Breed, International Journal of Poultry Science. 14(9): 521-528.

### **ABSTRACT**

#### **Reproductive productivity of Mnu Hla Ale chickens raised in Dak Lak province**

Mnu Hla Ale chicken is an indigenous chicken breed raised for a long time in ethnic minority people areas in the Central Highlands. The chicken was discovered and studied by the research team of Tay Nguyen University from 2022, within the framework of the Project to preserve the livestock and crop gene fund in Dak Lak province. The goal of the project is to determine biological characteristics and production criteria to make documentation of the breed and propose measures to preserve and develop this rare genetic resource. The study was conducted to evaluate the reproductive ability of Mnu Hla Ale chickens. 400 Mnu Hla Ale chickens from 0 to 20 weeks old were divided into 4 experimental plots to evaluate survival rate. At the reproductive monitoring stage, over 50 hens were arranged to monitor (repeated 3 times), the rearing period was from 21 to 74 weeks of age. The Chickens are raised under the free-range chicken breeding process, without incubating and raising chicks. The feed used in the experiment was TOGET company's mixed layer feed with crude protein content of 17.5%. Research results showed that the survival rate up to 20 weeks of age reached 92.50%, the average laying rate throughout the rearing period was 25.54%, egg productivity up to 74 weeks of age reached 93.04 eggs/hen/year, food consumption 4.42 kg/10 eggs; average egg weight 48.43g, shape index was 1.27; Haugh index 82.14; percentage of eggs with embryos obtained 94.43%; Hatching rate 78.68%. The chickens have quite high reproductive performance compared to some other native chicken breeds

**Keywords:** *Mnu Hla Ale, reproductive performance, native chicken.*

Ngày nhận bài: 05/01/2024

Ngày phản biện đánh giá: 18/01/2024

Ngày chấp nhận đăng: 29/02/2024

**Người phản biện:** *TS. Hồ Lam Sơn*